

# QUÁN TÂM LUẬN SỚ

## QUYỂN 3

Luận nói:

*Hỏi quán tự sinh tâm  
Thế nào là Niết-bàn  
Tu bốn thứ Tam-muội  
Đặng chân vô sinh nhĩn.*

Đây là phần thứ tư, gồm một bài kệ, nói rằng muốn quán tâm nhất niệm tự sinh phải được lý chứng, dựa vào phương pháp của bốn thứ Tam-muội mà tu tập. Kinh dạy: lại thấy các Phật tử tu tập các hạnh để mong cầu Phật đạo. Các công hạnh tức bốn thứ Tam-muội; tu hạnh không giống nhau nên gọi là các thứ. Bốn thứ: một, thường tọa Tam-muội; hai, thường hành; ba, bán hành bán tọa; bốn, phi hành phi tọa. Tam-muội: gọi là điều trực định. Thích luận chép: khéo trú tâm một chỗ, bất động gọi là Tam-muội. Đại kinh nói: buộc tâm vào một cảnh gọi là Tam-muội. 1. Thường tọa Tam-muội: rút ra từ kinh Văn Thù Thuyết Bát-nhã, cũng gọi là nhất hạnh Tam-muội. Chia làm ba: 1. Sự tướng. 2. Quán pháp. 3. Khuyến tu. Sự tướng: người thực hành muốn quán tâm nhất niệm tự sinh thì phải nương tựa. Nương tựa cái gì? Hoặc ở trong chúng, hoặc ở một mình trong tịnh thất, sắp đặt giường, ngồi tọa thiền, ngay ngắn, không động đậy. Thề không nằm nghỉ. Kinh dạy: một lần ngồi mười tiểu kiếp, thân thể, tay chân hoàn toàn vắng lặng, yên ổn, bất động, xa lìa tất cả các vọng tưởng, không xem thường Phật, không phụ tâm, không dối gạt chúng sinh. Vì sao? Luận rằng: tu sám học đạo là các Đức Phật sơ tâm. Kinh dạy: Phật biết chúng sinh hành đạo, không hành đạo, đâu thể có tâm dối trá; tội cũ chưa dứt lại tăng thêm tội mới. Do đó phải nêu chuyên nhất tâm kia. Nếu niệm một Đức Phật, công đức ngang bằng với công đức niệm các Đức Phật mười phương; lại nên xưng niệm danh hiệu Phật để giúp sức cho hai nghiệp thân tâm; như người buồn vui, cất tiếng la to thì tình cảm buồn vui kia được khoan khoái, siêng tu ba nghiệp dầu có mệt mỏi, kinh dạy: nếu thân bị khổ thì nên

nghe đến tất cả sự đau khổ của chúng sinh; lấy cái khổ nặng nề của chúng sinh để trừ cái khổ nhỏ nhẹ của mình sẽ hết mỗi một. Vả lại, ta đã tạo ra nghiệp nhân ba đường, nay mới nghe Phật, sám hối rửa sạch tội lỗi, với một ít mỗi một mà không chịu được thì làm sao chịu nổi cái khổ nơi ba đường. Vì sao? Kinh dạy: Trên không, dưới biển, trong núi, giữa chợ, không chỗ nào có thể thoát khỏi sự thọ báo. Làm sao tránh được. Gõ băng cá nhảy; khóc trúc măng mọc; người hiếu chí tình, vẫn còn cảm động; huống gì, người có lòng tin vững chắc đối với Tam bảo thì có hoạn nạn nào mà không trừ được. Hai, nói về pháp quán: tức là nhất niệm pháp giới hệ duyên pháp giới. Pháp giới: một sắc một hương đều là Trung đạo, đều là Phật pháp, cho nên đều là pháp giới. Vả lại, niệm tâm duyên tất cả các pháp đều là Phật pháp, tức là chân diệu thật tướng pháp giới. Cho nên nói, hệ duyên pháp giới là nhất niệm pháp giới. Kinh chép: nói pháp giới nghĩa là, tin tất cả pháp đều là Phật pháp. Phật pháp là không trước không sau, không có bờ mé; đồng là một cõi Phật. Pháp giới của Phật này không thể biết, không thể nói, chẳng phải có, chẳng phải không, chẳng phải biết, chẳng phải không biết, lia hai bên này, an trú nơi vô sở trú, như các Đức Phật an trú nơi pháp giới vắng lặng; nghe nói như vậy, chớ nên sinh lòng hợ hãi. Lại nữa, pháp này cũng gọi là bồ đề, cũng gọi là cảnh giới không thể suy nghĩ bàn luận, cũng gọi là trú xứ Bát-nhã, cũng gọi là bất sinh bất diệt. Nếu có thể quán pháp giới như vậy là nhạo quán Như Lai. Khi quán Như Lai không cho rằng Như Lai là Như Lai. Nếu quán tướng chúng sinh như tướng các Đức Phật, giới lượng chúng sinh như giới lượng các Đức Phật. Giới lượng các Đức Phật là không thể suy nghĩ bàn luận, giới lượng chúng sinh cũng không thể suy nghĩ, bàn luận. Chúng sinh giới vô trụ như hư không trú, lấy pháp bất trú mà an nơi Bát-nhã; lấy vô tướng hiện tướng nơi Bát-nhã. Nếu không thấy pháp của phàm phu, làm sao xả bỏ được pháp của phàm phu; nếu không thấy được pháp của bậc Thánh thì làm sao đắc được Thánh pháp. Sinh tử, Niết-bàn, nhớ sạch cũng giống như vậy; không bỏ không lấy, an trú trong mé thật, như vậy mà quán chúng sinh chân pháp giới. Nếu quán phiền não, tham, sân, si là hạnh vắng lặng, là hạnh bất động, chẳng phải pháp sinh tử, chẳng phải pháp Niết-bàn, không lia bỏ các kiến mà tu Phật đạo; phi tu đạo, phi bất tu đạo, đó gọi là chánh trụ phiền não pháp giới. Nếu quán nghiệp nặng không ngoài 5 tội nghịch; 5 tội nghịch tức bồ đề; bồ đề tức 5 tội nghịch, vốn không có hai tướng riêng khác, vô giác, vô tri, vô phân biệt. Tướng của năm tội nghịch, tướng của thật tướng đều không thể suy nghĩ bàn luận,

đều không thể phá hoại, vốn không có bốn tánh. Tất cả các nghiệp duyên đều trú nơi thật tướng; không đến, không đi, không nhân, không quả. Đó gọi là quán nghiệp, tức là pháp giới. Bốn pháp giới ấy, bốn ma không thể tìm dịp phá hoại. Vì sao? Vì ma tức là pháp giới ấy, pháp giới ấy làm sao hủy hoại pháp giới ấy được. Dùng ý này để hiểu tất cả các pháp cũng giống như vậy. Song, pháp quán bốn Tam-muội này đều nên thủ đắc pháp quán Viên giáo ở trước. Nay lại lấy thêm pháp quán của kinh kia để giúp sức. 3. Khuyên tu: mỗi pháp giới này là chân pháp của Phật, là ấn bồ đề. Nếu nghe pháp này mà không kinh sợ, không lo thì đó là người đã gieo trồng thiện căn với ngàn Đức Phật, cho đến trăm ngàn muôn ức Đức Phật. Thí như Trưởng giả mất hạt châu ma ni, lo buồn khổ não; nếu tìm được trở lại thì tâm vui mừng khôn xiết. Nếu bốn chúng có tâm tin ưa mà không nghe pháp này thì sinh ra khổ não; nếu nghe mà tin hiểu, tâm rất vui mừng thì nên biết người đó tức đã thấy Phật, gần gũi cúng dường. Như người xỏ chuỗi, bỗng gặp ma ni, tâm rất vui mừng. Nên biết người này đã từng thấy. Nếu người tu học pháp khác, bỗng nghe kinh này, sinh tâm vui mừng, nên biết người này đã từng nghe pháp này với Văn thù sư lợi. Thân tử nói: nếu đối với nghĩa này hiểu biết chắc chắn, quyết định gọi là Đại Bồ tát. Di Lặc nói: Được nghe đầy đủ pháp tướng như vậy tức là gần gũi tòa Phật. Vì sao? Như Lai hiện giác pháp tướng này. Văn thù nói: Được nghe pháp sâu xa mà không kinh hãi tức là Phật. Phật dạy: nếu nghe pháp này, không kinh hãi, không lo sợ, tức an trú nơi địa vị không lui sụt; đầy đủ sáu Ba-la-mật; cũng đầy đủ pháp Phật. Nếu người muốn học tất cả Phật pháp, tướng hảo, oai nghi, vô lượng pháp thức, muốn liễu giải tất cả các pháp tướng, muốn biết hết tất cả các tâm của chúng sinh, muốn an trú ở giai vị a bệ việt trí (giai vị không lui sụt), mau thành tựu Tam bồ đề, đều phải tu tập Tam-muội nhất hạnh này; siêng năng không hề biếng nhác thì sẽ thành tựu. Như xử lý châu ma ni tùy theo sức mài mà ánh sáng của ngọc thấu suốt trong ngoài. Khi chứng đắc công đức không thể suy nghĩ bàn luận thì biết tướng các pháp, ánh sáng chiếu khắp, không chút thiếu sót. Bồ tát có thể nhận được như vậy, mau thành tựu bồ đề. Tỳ kheo, tỳ kheo ni nghe mà không kinh hãi, lo sợ tức là xuất gia với Phật. Tín sỹ, tín nữ nghe mà không kinh sợ tức là chân quy y; xét cho cùng công đức ở trong văn đó. Thứ hai, Tam-muội thường hành, cũng chia làm ba: một là, sự tướng; hai là, pháp quán; ba là, khuyến tu. Một là sự tướng: hành giả muốn quán nhất niệm tự sinh tâm nương vào việc thường thực hành Tam-muội. Pháp này rút ra từ kinh Bát chu Tam-muội gọi là Phật lập

Tam-muội. Phật lập có ba việc: một, oai lực của Phật; hai, oai lực Tam-muội; ba, oai lực của bốn công đức. Có thể ở trong định thấy các Đức Phật mười phương ở hiện tại đứng ngay trước mắt, như người có mắt sáng ban đêm nhìn sao trên trời; thấy Phật mười phương cũng giống như vậy. Khi thực hành nhiều pháp này thì nên xa lánh ác tri thức và người ngu si, cũng nên xa lìa bà con, xóm làng; thường ở một mình, không nên trông mong điều gì ở nơi phương khác, thường đi khát thực, không nhận thỉnh riêng; sửa sang đạo tràng, chuẩn bị đầy đủ các thức ăn ngon, hương hoa, quả ngọt. Tắm gội sạch sẽ; ra vào phải thay đổi y phục như cách thức thường lệ; chỉ thực hành toàn vô ba oai nghi, nên có minh sư khéo léo mở bày dẫn dắt hiểu rõ luật trong ngoài để tránh các chướng ngại. Ở chỗ đã nghe Tam-muội, kính thầy như Đức Thế Tôn. Nếu thấy chỗ dễ của thầy thì cầu Tam-muội này không bao giờ đạt được, nên cắt gân cốt cứng dưỡng, hướng gì các thứ khác. Lại cần có người ngoài hộ ngày đêm điều dưỡng, siêng năng, nhẫn nhục như mẹ nuôi con. Lại cần có người đồng hành rất nghiêm túc trong các thời khóa tu tập, như cùng đi qua con đường nguy hiểm. Cần lập kỳ hạn, thệ nguyện cố gắng chịu cực nhọc, luôn luôn tinh tấn, dù cho gân cốt tiêu tụy, việc tu tập Tam-muội cũng không bao giờ lui sụt. Phát khởi đại chánh tín không gì có thể làm cho nó bị hoại. Tinh tấn không hề biếng nhác. Thành tựu trí tuệ không người nào sánh bằng. Thường theo thờ thầy lành. Thực hành bốn pháp này mau chứng đặng Tam-muội: 1. trong suốt ba tháng, không được nghĩ tưởng về các mong muốn thế gian, dù trong khoảnh khắc. 2. Trong suốt ba tháng, không được ra ngoài dù trong khoảnh khắc. 3. Trong suốt ba tháng, kinh hành không được ngừng nghỉ, không được ngồi, trừ khi ăn cơm. 4. Giảng kinh cho người, không được mong cầu áo cơm. Thực hành bốn pháp này mau chứng được Tam-muội. Hai là nói về quán ý: Kinh kia nói: làm sao để có được Tam-muội này? Đó là giữ giới đầy đủ, ở yên một chỗ, nghĩ đến Đức Phật. Giáo chủ cõi Tây phương, ở cách đây mười muôn ức cõi Phật, ở giữa chúng Bồ tát nói kinh. Thường niệm tưởng suốt cả ba tháng. Thế nào gọi là niệm? Là nghĩ đến mỗi tướng của Đức Phật kia, từ tướng bánh xe ngàn căm dưới lòng bàn chân cho đến Vô kiến đánh tướng; ta đều thấy; ta từ nơi tâm thấy Phật, từ thân thấy Phật. Không thể dùng tâm để sắc Phật, không thể dùng thân để đắc Phật. Không thể dùng tâm để đắc sắc tướng Phật; không thể dùng sắc tướng để đắc tâm Phật. Vì sao? Vì tâm Phật vốn vô sắc. Vì sắc Phật vốn vô sắc. Không dùng sắc tâm này để đắc Tam bồ đề. Phật sắc đã hết cho đến Phật thức cũng hết; những điều Phật dạy

cũng hết. người ngu si không thấy không biết. Người trí hiểu rõ. Không dùng thân, miệng đắc Phật; không dùng trí tuệ đắc Phật. Vì sao? Vì trí tuệ, tìm cầu không thật có. Tự tìm cầu ngã không thật có. cũng không thấy điều gì. Tất cả pháp vốn không hoại diệt; vốn không có gốc. Ví như mộng thấy bảy báu và thân thức vui vẻ. Khi tỉnh rồi, nhớ nghĩ lại chẳng biết nó ở chỗ nào. Nên biết, đó là niệm Phật. Như trong thành Xá vệ có người dâm nữ tên là Tu môn. Nghe nói sinh tâm vui vẻ; đêm về mộng thấy hành dâm. Khi tỉnh giấc, nhớ nghĩ lại thấy rằng, dâm nữ không đến, ta không đi, thế mà việc vui thích hành lạc vẫn rõ ràng. Cũng niệm Phật như vậy. Như người đi qua đầm lớn, đang khi đói khát, mộng thấy được ăn các thức ăn ngon; khi tỉnh dậy, bụng vẫn trống rỗng. Tự nghĩ, tất cả mọi thứ sở hữu đều như mộng huyễn. Nên niệm như vậy, nói nhau không ngừng nghỉ, dùng niệm này để sinh về cõi nước của Đức Phật A di đà; đó gọi là tướng không. Như dùng bảy báu để trên lưu ly, hình ảnh hiện trong đó. Cũng như tỳ kheo quán cốt, khởi lên các thứ ánh sáng; ánh sáng này không phải từ đâu lại, cũng không phải từ cốt sinh ra mà do sự tác ý. Như ảnh trong gương, không phải từ ngoài đến, không phải từ trong ra; do gương sạch, tự thấy các hình tượng. Hành nhân, khi sắc thanh tịnh thì tất cả mọi thứ cũng thanh tịnh. Muốn thấy Phật liền được thấy. Thấy Phật liền hỏi, nghe kinh lòng rất vui mừng. Tự nghĩ, Phật từ đâu lại, ta cũng không đến đâu. Sở niệm của ta tức thấy tâm thành Phật. Tâm tự thấy tâm là Phật. Tâm là Phật, tâm là ta, tâm thấy Phật. Tâm không tự biết tâm. Tâm không tự thấy tâm. Tâm khởi tưởng là si mê; vô tướng là Niết-bàn. Pháp này không vững bền, thường ở tại tâm ta. Do hiểu được không, cho nên tất cả không có tướng niệm; các pháp không thể được. Quán sát một cách như thật thì hiện bày Phật đạo không có chỗ hưởng về. Bồ tát Điểm Tuệ thường hiểu rõ năm đường này là chẳng tinh khiết nên không thọ sắc. Hiểu được điều này sẽ thành tựu đại đạo. Ba là khuyến tu: hành nhân muốn có được trí tuệ như biển lớn, nay không thể làm thấy ta, trong khi ngồi, không vận thân thông đều được thấy Phật, nghe Phật dạy. Nghe rồi thọ trì. Muốn được công đức như vậy, luôn luôn thực hành Tam-muội là công đức trên mọi công đức. Tam-muội đó là Phật mẫu, Phật nhân. Luận Thập Trụ tỳ bà sa chép: Bát chu Tam-muội là cha; đại bi vô sinh là mẹ. Tất cả các Đức Như Lai đều từ hai pháp này sinh ra. Lại nói: kết quả của Tam-muội này là không còn bị lui sụt đối với đạo Vô thượng. Nghiền nát các vật như cỏ, cây, cát đá trong Đại thiên thế giới thành bụi nhỏ. Mỗi hạt bụi là một thế giới Phật. Châu báu đầy cả thế giới như vậy đem bố thí thì

phước đức rất lớn, nhưng cũng không bằng nghe được Tam-muội này mà không kinh hãi, lo sợ. Huống gì tín tâm thọ trì, đọc tụng, giảng nói cho người nghe. Đây mới chỉ là nghe mà không sợ hãi, huống gì là định tâm tu tập. Như đất trâu lấy sữa, đây là thắng tín giải, huống gì là thành tựu Tam-muội. Kinh vô lượng chép: thực hành Tam-muội này, chỉ nghe trong khoảnh khắc thì công đức không thể nói hết. hiện tại được an vui, liền nhập bồ đề vị. Luận Bà sa chép: trong kiếp tai, nạn quan sự, oán tặc, độc hại, các bệnh v.v... không thể xâm hại người tu tập Tam-muội này. Người này thường được các Đức Phật, trời, rồng, tám bộ cùng hộ niệm, khen ngợi; đều muốn thấy, muốn cùng đến chỗ người này. Nếu nghe được bốn thứ Tam-muội như trên đều tùy hỷ. Các Đức Phật, Bồ tát ba đời thực hành Tam-muội này ta cũng tùy hỷ hồi hướng bồ đề. Chỗ nào trong kinh chưa được nghe liền được nghe. Phước đức của sự tùy hỷ lại hơn cả những người thí dụ trên. Nếu không tu tập chân pháp như thế thì mất đi vô số báu vật quý giá; trời, người buồn thương. Như đối với hương chiên đàn, không nhìn, không ngửi được hương thơm, lại cho là hôi. Như người làm ruộng dùng hạt ma ni muốn mua một con trâu. Hành giả nghe được Tam-muội này mà không nỗ lực siêng năng tu tập hay sao?

Thứ ba, Tam-muội bán hành bán tọa cũng có ba phần: (Một), sự tướng. (Hai), quán pháp. (Ba), khuyến tu. Một, sự tướng: hành giả muốn quán tâm nhất niệm tự sinh, dựa vào Tam-muội bán hành bán tọa, rút ra từ hai kinh này. Phương đẳng chép: vòng quanh 120 vòng, ngồi xuống tư duy. Kinh Pháp Hoa: hoặc đi, hoặc ngồi, đọc tụng kinh này; hoặc ngồi tư duy kinh này, Ta cỡi voi trắng sáu ngàn, đến trước người kia. Cho nên biết rằng, hai kinh kia nói về phương pháp bán hành bán tọa. Phương đẳng là cấp nhất không có gì cao hơn. Nếu muốn tu tập, thân mình làm chứng, trước cầu mộng vương. Nếu được thấy một lần, là cho sám hối. Ở nơi chỗ nhàn tịnh, trang nghiêm đạo tràng; hương thơm bôi đất. Trong ngoài thất làm đàn tròn, vẽ phước năm mẫu treo lên, đốt hương hải ngạn, thấp đèn. Trãi tòa cao, thỉnh 24 tôn tượng, nhiều cũng không trở ngại; thiết bày thức ăn ngon quý, đem hết tâm lực, mặc y áo mới, giày mới; ra vào, mặc cởi không để lẫn lộn. Trường trai bảy ngày, mỗi ngày tắm gội ba lần. Buổi sáng cúng dường tăng tùy ý, nhiều ít cũng được. Thỉnh riêng một vị hiểu rõ luật trong ngoài làm thầy. Thọ 24 giới và Đà la ni. Đối trước thầy rõ bày sám hối; phát thệ nguyện, lấy ngày mồng tám, ngày 15 trong tháng, lập kỳ bảy ngày, không được ít hơn. Nếu có thể tăng thêm tùy theo năng lực của mình. Mười người trở xuống,

không được hơn. Người thế tục vẫn được. Phải sắm sửa đầy đủ ba y, các pháp thức của Phật, chuẩn bị tụng một biến Đà la ni để có sự lợi ích. Ngày đầu, mọi người cùng tụng ba biến triệu thỉnh Tam bảo, thập Phật, phương đẳng, cha mẹ, 10 Pháp vương tử. Triệu thỉnh xong, đốt hương, vận niệm ba nghiệp cúng dường. Cúng dường xong, lễ thỉnh Tam bảo. Lễ xong chí thành sám hối tội chướng, bày tỏ lỗi lầm; xong rồi kinh hành 120 vòng. Mỗi vòng tụng một bài chú, không nhanh, không chậm, không cao, không thấp. Xong, lại tiếp lễ thập Phật phương đẳng, thập Pháp vương tử. Làm như vậy xong, ngồi xuống tư duy. Tư duy xong, đứng dậy. Kinh hành, đọc chú, tư duy... liên tục trong bảy ngày. Ngày thứ hai, triệu thỉnh nhất pháp, ngoài ra thực hành như thường.

Hai, là quán pháp. Kinh hiệp tư duy, ma ha dẫn trì đà la ni, dịch là đại bi yếu, ngăn ác hành thiện. Bí yếu chính là thật tướng Trung đạo chánh không. Kinh chép: Ta từ trong chân thật đến. Chân thật là tướng vắng lặng. Tướng vắng lặng là không có sở cầu. Cầu cũng là không. Cho đến Niết-bàn cũng đều là không. Nhất thiết giới phận hư không cũng đều là không. Trong vô sở cầu, ta cố cầu. Pháp không không chân thật như vậy nên cầu chỗ nào? Tìm cầu trong sáu Ba-la-mật. Điều này giống với thập bát không trong Đại phẩm. Dùng không tuệ này trải qua tất cả mọi việc, đều không thành tựu quán. Phương đẳng còn gọi là Quảng bình. Phương có nghĩa là pháp. Bát-nhã có bốn phương pháp; đó là bốn môn nhập thanh lương địa tức là phương. Đại tuệ khế hợp với lý bình đẳng gọi là đẳng. Nay cầu mong vương tức hai quán tiền phương tiện. Đạo tràng tức cảnh giới thanh tịnh. Đối trị năm trụ khang (võ trấu), hiện bày hạt gạo thật tướng, cũng chính là định tuệ dùng trang nghiêm pháp thân. Hương nê tức là thi la vô thượng. Năm sắc cái là quán năm Ấm khởi ràng buộc, khởi đại bi bao trùm cả pháp giới. Đàn tròn tức thật tướng bất động địa. Phướn lụa tức dịch là trên pháp giới; mê sinh động, phát ra hiểu biết. Đàn phướn không lia nhau, tức động xuất bất động, xuất không lia nhau. Hương đèn tức giới tuệ. Tòa cao tức các pháp không. Tất cả các đức Phật đều trụ trong không này. 24 tượng tức giác liễu trí quán nhân duyên theo hai chiều thuận nghịch. Hào thiện tức vô thường khổ tặc trợ đạo quán. Y mới sạch tức nhẫn tịch diệt. Sân hoặc chứa nhóm gọi là cố; ngược với sân, khởi nhẫn gọi là Tân. Bảy ngày tức bảy giác phần. Một ngày tức nhất thật đế. Tam tẩy, tức quán nhất thật, tu ba quán, rửa ba chướng, tịnh ba trí. Nhất sư tức nhất thật đế pháp. 24 giới tức mười hai nhân duyên thuận nghịch, phát khởi đạo cộng giới. Chú là chúc đối. Kinh Anh lạc chép: mười hai nhân duyên có

mười loại tức có 120 chi. Một chú chú một chi, gom lại mà nói. Chỉ ba đường này gọi là khổ nghiệp phiền não. Nay chú nhân duyên này tức là chú ba đạo mà luận về sám hối. Sự sám hối là khổ đạo, nghiệp đạo. Lý sám hối là phiền não đạo. Văn nói: phạm giới Sa di cho đến giới tỳ kheo, nếu không sinh trở lại là chuyện không thể có. Tức là văn sám nghiệp đạo. Các căn nhãn, nhĩ, v.v... thanh tịnh tức văn sám khổ đạo. Ngày thứ bảy, thấy Phật mười phương, nghe pháp, thành tựu không lui sụt tức văn sám phiền não đạo. Ba chướng trở đi tức cây mười hai nhân duyên bị gãy đổ, cũng chính là ngôi nhà năm Ấm thành không. Tư duy thật chướng chính là phá bỏ ở đây; cho nên gọi là thật pháp sám hối của các Đức Phật.

Ba là khuyến tu: đạo của các Đức Phật đều từ pháp này, pháp này là cha mẹ của các Đức Phật, là Đại bảo vô thượng ở nhân gian. Nếu tu hành được thì đắc toàn phần bảo, chỉ đọc tụng thì đắc trung phần bảo, chí cúng dường hương hoa thì đắc hạ phần bảo. Phật và Bồ tát Văn Thù nói về hạ phần bảo, nói chẳng thể hết, huống gì là nói trung phần và thượng phần bảo. Nếu dùng của báu từ Địa tích cho đến Phạm thiên để dâng cúng Phật, cũng không bằng bố thí cho người trì kinh một bữa cơm, như kinh đã nói,...

Kinh Pháp Hoa cũng lại chỉ làm 3: sự tướng, quán tướng và khuyến tu. Một là về sự tướng: hành giả quán tâm tự sinh, dựa vào kinh Pháp Hoa mà tu Tam-muội. Phương pháp gồm có 10: 1. Nghiêm tịnh đạo trường. 2. Tịnh thân ba nghiệp. 3. Cúng dường. 4. Thỉnh Phật. 5. Lễ Phật. 6. Sám hối sáu căn. 7. Đi nhiều. 8. Tụng kinh. 9. Ngồi thiền. 10. Chứng tướng. Còn có một quyển khác tên là Pháp Hoa Tam-muội, là tác phẩm của Đại sư Thiên Thai, được truyền bá ở thế gian, hành giả có thể lấy nó làm tông chỉ. Hai là quán pháp: Phổ Hiền quán chép: “Chuyên tụng Đại thừa không nhập Tam-muội, ngày đêm 6 thời sám tội sáu căn”; còn ở phẩm An lạc hạnh thì nói rằng: “Đối với các pháp, vô sở hành, cũng không thực hành không phân biệt”. Cả hai kinh vốn thành tựu lẫn nhau, sao lại chấp vào văn tự mà tranh cãi nhau làm gì. Bởi vì duyên trước sau có ra lẫn nhau, chẳng khác gì mấy. Phẩm An lạc hạnh nói về sự hộ trì, đọc tụng, thâm tâm lễ bái... há chẳng phải là “sự” hay sao? Quán kinh thì nói về Sám hối vô tướng, tâm ta tự không, tội hay phước đều không có chủ, mặt trời trí tuệ làm tiêu trừ tội chướng, há chẳng phải là “Lý” hay sao? Ngài Nam Nhạc nói: Về Hữu tướng An lạc hạnh, Vô tướng An lạc hạnh, há chẳng là ở sự lý mà nói như vậy sao. Hành giả trải qua sự tu sám sáu căn, do sự ngộ nhập mà phát dẫn,

cho nên gọi là Hữu tướng. Nếu quán thẳng “Tất cả pháp không” làm phương tiện, gọi là Hữu tướng. Khi diệu chứng thì cả hai đều xả. Nếu hiểu được ý này thì không còn nghi ngờ gì đối với hai kinh kia nữa. Tu quán Lý; qua Sự để tu quán, nói voi trắng 6 ngà là sáu thần thông vô lậu của Bồ tát ngà bén nhọn như sự xuyên thông. Voi có sức mạnh rộng lớn biểu thị cho pháp thân gánh vác vô lậu. Đầu màu trắng là chỉ cho sự vô nhiễm, trên có 3 người, một người cầm chày kim cương, một người cầm bánh xe kim cương, một người cầm hạt châu Như ý, biểu thị cho 3 trí cư ở đỉnh Vô lậu. Chày khiến voi đi biểu thị cho tiệt chỉ đạo cho Hạnh, Bánh xe quay biểu thị cho giải. Châu Như ý biểu thị cho Trung. Trên ngà voi có hồ nước biểu thị cho Bát giải. Bởi thiên thể chung cho Định dụng, Thể và Dụng không lìa nhau. Trên đầu ngà voi có hồ nước, trong hồ nước có hoa. Hoa biểu thị cho Diệu nhân, lấy năng lực thần thông làm thanh tịnh cõi nước Phật, lợi ích chúng sinh tức là Nhân, Nhân từ Thông mà sinh ra như hoa do từ hồ nước mọc ra. Trong hoa có người nữ biểu thị cho Từ, nếu không có vô duyên từ thì làm sao dùng năng lực thần thông làm cho thân hình nhỏ lại, nhập vào thế giới ta bà này. Thông do Từ vận chuyển. Hoa đỡ người nữ, người nữ cầm nhạc khí, biểu thị cho bốn nhiếp. Lấy Từ tu thân miệng hiện các thứ đồng sự lợi hành, bố thí tài pháp gỡ sự rối rắm như 500 nhạc khí âm thanh vô lượng. Thị hiện cái thân thích nhìn (hỷ kiến thân) là phổ hiện sắc thân Tam-muội, tùy theo sự vui thích mà hiện ra. Ngôn ngữ Đà la ni tức là Từ hun đúc miệng nói các thứ pháp, đều là tên khác của Tam-muội Pháp Hoa. Nếu đắc được ý này thì tự tại mà tác pháp môn ở trên thân voi. Ba là khuyến tu; Phổ Hiền quán chép: “Nếu 7 chúng phạm giới, muốn chỉ trong khoảnh khắc như búng ngón tay trừ diệt tội trong năm ngàn muôn ức A-tăng-kỳ kiếp sinh tử, muốn phát tâm Bồ đề, không dứt bỏ phiền não mà nhập Niết-bàn, không lìa năm dục mà thanh tịnh được các căn, muốn thấy phân thân Phật Đa Bảo, Thích-ca, muốn đắc tất cả các Đà la ni của Tam-muội Pháp Hoa, nhập vào nhà của Như Lai, mặc áo Như Lai, ngồi trên tòa ngai của Như Lai, nói pháp ở trong chúng, tám bộ trời rồng, muốn được các Đại Bồ tát như Văn Thù, Dược Vương cầm hương hoa đứn trong hư không dâng hầu thì phải tu tập Kinh Pháp Hoa này, đọc tụng Đại thừa, nhớ việc Đại thừa, khiến tuệ thuộc tính không tương ứng với tâm, nhớ nghĩ phương tiện cao sâu vô thượng của mẹ các Bồ tát, từ sự suy tư về thực tướng mà sinh ra thì các tội tiêu trừ như mặt trời trí tuệ làm tiêu tan những hạt sương đọng, thành tâm các việc như vậy thì đầy đủ tất cả. Người hiểu được kinh này thì thấy ta, cũng thấy người, cũng

cúng dường Phật Đa Bảo và phân thân, khiến các Đức Phật vui mừng. Như kinh đã nói, ai nghe pháp như vậy mà không phát tâm Bồ đề, trừ những kẻ chẳng ra gì, si mê vô trí.

Thứ tư là nói về Tam-muội phi hành phi tọa. Ở trên đều dùng hành tọa, đây thì lại khác trên, làm thành bốn câu, cho nên gọi là Phi hành phi tọa. Thực sự thì chung cho cả hành, tọa và tất cả pháp. Nam Nhạc sư gọi là Tùy tự ý, ý khởi tức tu Tam-muội. Đại phẩm gọi là Tam-muội giác ý. Xu hướng của ý đều có công năng giác thức rõ ràng, tuy có 3 tên gọi khác nhau, thực ra là cùng một pháp. Nay dựa theo sự giải thích kinh, gọi là giác tức là chiếu soi rõ ràng, ý tức là tâm sở. Danh từ Tam-muội như giải thích ở trước. Hành giả quán Nhất niệm tự sinh tâm (cái tâm tự sinh khi nhất niệm), khi tâm sở khởi thì phản chiếu quán sát, không thấy cội nguồn chuyển động, chỗ đến chỗ đi rất ráo, cho nên gọi là Tam-muội giác ý, tùy ý phi hành phi tọa, y cứ theo đây thì có thể hiểu được.

Luận viết:

*Hỏi quán tự sinh tâm*

*Thế nào là khéo thành tựu*

*Hai mươi lăm phương tiện*

*Điều tâm nhập chánh đạo.*

Đây là bài kệ thứ 51, Diệu lý không thể nhanh chóng ngộ được, nếu muốn hướng lên trên đường chánh đạo thì phải có phương tiện khéo. Nay giải thích hai chữ phương tiện. Phương tiện gọi là khéo léo. Hành giả quán nhất niệm tự sinh tâm, khéo tu hành để thiện căn ít ỏi có thể khiến cho vô lượng hạnh thành, phát giải nhập vào Bồ tát vị. Lại nữa, phương tiện là sự hòa hợp của các duyên, các duyên hòa hợp lại thành nhân, cũng có thể hòa hợp lại mà gặt quả. Kinh chép: thân Như Lai không từ một nhân nhân một duyên, mà từ vô lượng công đức sinh ra thân Như Lai, để hiển hiện khả năng khéo léo đó cho nên luận về phương tiện. Nếu y theo thứ lớp thì có 4 thứ phương tiện, có phương tiện gần, phương tiện xa. Như A tỳ đàm nói năm đình tâm là xa, bốn thiện căn là gần. Viên giáo cho rằng giả danh các địa vị trong ngũ phẩm quán hành còn cách xa với chân lý nên gọi là phương tiện xa. Sáu căn thanh tịnh gần kề với chân lý nên gọi là phương tiện gần. Nay y cứ cảnh giới là phương tiện gần. Đan xen lẫn nhau, 10 quán đầy đủ. Thành tựu quán hành vị có thể phát chân, dường như là phương tiện. Nay xin giải thích phương tiện xa, gồm có 5 phương tiện; 1. Đủ 5 duyên, 2. Quả trách 5 dục, 3. Bỏ năm thứ cái, 4. Điều hòa năm việc, 5. Thực hành 5 pháp. Bởi

đạo không vận hành đơn lẻ, mở rộng nó là ở tại người. Người mở mang thắng pháp mượn duyên để tiến đạo, cho nên cần đủ 5 duyên, duyên lực đã đủ nên cắt đứt các dính mắc, mọi sự dính mắc thêm muốn bên ngoài đã đứt thì bên trong nên thanh tịnh cái tâm. Tâm đã vắng lặng thì nên điều hòa 5 việc. Năm sự đã điều rồi thì thực hành năm pháp, thì chắc đạt đến nơi đến chốn. Thí như người thợ gốm muốn làm được đồ gốm tốt, thì trước phải chọn một địa điểm tốt. Nơi không có cát, không có đất mặn, cây cỏ xanh tốt; há đến là ngừng các việc khác. Nhiều việc không yên thì làm sao thành công. Tuy ngừng các việc bên ngoài mà trong thân lại bị bệnh thì không làm được; thân tuy khoẻ mạnh nhưng bề quay không điều hòa; cũng không thành đồ vật. Các duyên trên tuy đủ cả, nhưng không chuyên làm, phớt bỏ nửa chừng, cũng không thành tựu được. Tu hành năm duyên cũng giống như vậy. Lấy thân này làm nơi tu tập như địa điểm tốt của người thợ gốm, nhằm chấn trần dục như cắt đứt các duyên. Bên ngoài vứt bỏ năm cái như trị bệnh trong thân, điều hòa thích hợp với năm việc như bắt chước bề quay. Thực hành năm pháp như làm mà không phớt bỏ. Chuyện nhỏ ở thế gian chẳng đủ duyên thì chẳng hợp, huống gì là đạo xuất thế gian, nếu không dẫn khởi thì khó lắm thay. Bởi vậy, trải qua 25 pháp, y cứ vào sự thực hành quán, điều thô nhập tế, xả tán khiến tịnh là những phương tiện xa cho người sơ tâm. Năm pháp ba khoa này rút ra từ Đại luận. Một loại xuất từ thiền kinh, một loại do các thiên sư lập.

**I. ĐỦ NGŨ DUYÊN:** (1) Giữ giới thanh tịnh. (2) Ăn mặc đầy đủ. (3) Nhàn cư nơi thanh vắng. (4) Ngừng nghỉ các việc làm bận rộn. (5) Được thiện tri thức. Thiền kinh chép: “Bốn duyên tuy đầy đủ, dắt dẫn bởi thầy hay” vì vậy mới biết dùng năm pháp làm bước thang nhập đạo. Chỉ thiếu một pháp thì chướng ngại cho sự.

**1. Giữ giới:** Xuất xứ rất nhiều kinh luận, dựa vào Thích luận thì có 10 loại giới: Bất khuyết, Bất pháp, Bất xuyên, Bất tạp, Tùy đạo, Vô trước, Trí sở tán, Tự tại, Tùy định và Cụ túc. 10 tịnh giới thông dụng này là cội gốc. Đại luận nói tính giới là 8 loại Thi la về thân miệng. Nghĩa là thân có 3 giới, miệng có 4 giới, thêm giới không uống rượu là để tịnh mệnh phòng ý; lại nói 10 điều lành là Thi la, dù Phật không xuất hiện ở thế gian thì thế gian vẫn thường có những giới đó, cho nên gọi là giới cũ (cựu giới). Dù Phật không xuất hiện ở thế gian thì phàm phu cũng vẫn tu 8 môn thiện, bởi thế gọi là cựu định (định cũ). Ngoại đạo tà kiến 62 cách chữa trị cũ, nhũ dược (phương thuốc dùng sữa) gọi là cựu tuệ

(tuệ cũ). Nay lấy ba quy năm giới, 250 giới làm khách giới, căn bản tịnh thiền quán luyện huân tu là khách định. Tứ đế tuệ là khách tuệ, Phật ra đời mới có. Các giới thuộc về Tánh (tánh giới), dù có thọ hay không thọ giới, hễ phạm tức là tội, giữ gìn là điều lành, nếu người đã thọ giới, giữ gìn thì sinh phước, trái phạm thì bị tội. Người không thọ giới thì không có phước, không thọ giới mà phạm thì không tội. Như chặt cỏ, hại súc vật, đều đối thú sát hối, cả hai tội đều diệt. Định cộng giới thì không có tác giả, cùng phát ra chung với định. Có người nói, khi nhập định thì có, khi xuất định thì không. Lại có người nói, vô tác nương theo định. Định còn thì không mất, định mất thì mất. Đạo cộng vô tác giả, vô tác nương theo đạo cho nên đạo không mất, cũng không mất giới, định. Đạo cộng thông với giới, lấy Tính giới làm gốc. Cho nên kinh chép “Nhờ dựa vào giới này mà sinh ra các thiền định và trí tuệ diệt khổ” là ý đó vậy. Giữ 10 loại giới này tức là gồm nhiếp tất cả các giới.

Bất khuyết giới tức là giữ gìn tính giới, cho đến bốn giới, thanh tịnh giữ gìn như yêu quý ngọc sáng. Nếu hủy phạm thì như đồ vật đã bị khuyết mẻ, không thể dùng được, chỉ là người đứng ngoài bờ mé Phật pháp, chẳng phải là sa môn đệ tử Phật Thích-ca, mất pháp tỳ kheo, cho nên gọi là khuyết.

Bất phá tức là giữ gìn 13 giới tăng tàn không bị phá tổn, nếu có sự hủy phạm thì như đồ vật đã bị vỡ bể.

Bất xuyên là giữ gìn Ba dạ đề, nếu hủy phạm thì như đồ bị rò rỉ, không thể thọ nhận đạo, vì vậy gọi là xuyên.

Bất tạp là giữ định cộng giới. Tuy giữ gìn luật nghi mà nghĩ về việc phá giới. Gọi nó là Tạp định cộng, tâm giữ niệm dục không khởi lên, gọi là Bất tạp.

Tùy Đạo là thuận theo Đế lý, có công năng phá được kiến hoặc.

Vô trước giới tức là kiến chân thành Thánh (thấy chân lý thành quả Thánh) không đắm nhiễm tư duy hoặc. Hai giới này (Tùy đạo, Vô trước) y cứ vào chân đế mà giữ giới.

Trí sở tán giới và Tự tại giới: hai giới này y cứ vào Bồ tát Hóa Tha. Được Phật khen ngợi ở trong thế gian mà được tự tại, là y cứ vào đế mà luận về giữ giới.

Hai giới Tùy định và Cục túc tức là tùy theo định Thủ lãng nghiêm là định không khởi diệt, hiện các uy nghi, thị hiện hình tượng trong mười pháp giới, dẫn dắt làm lợi chúng sinh. Tuy uy nghi khởi động mà tùy ý thường tịnh, cho nên gọi là Tùy định giới.

Các giới luật nghi dùng để phòng ngừa, cho nên gọi là bất cụ túc.

Giới của Trung đạo, không có giới nào là không có đủ, cho nên gọi là Cụ túc. Đây là giữ gìn giới Đệ nhất nghĩa đế của Trung đạo. Dùng tuệ của Trung đạo nhập vào khắp các pháp. Trong kinh nói là Thức-xoa, Thức-xoa gọi là giới Đại thừa. Ý nghĩa như nhau. Các kinh luận nói về giới tướng cũng không ra ngoài 10 khoa này.

Tóm lại 3 giới đầu gọi là Luật nghi giới: bất khuyết, bất phá, bất xuyên, giữ lành ngăn ác, mảy may thanh tịnh tóm gọi là Luật nghi giới. Phạm tu tâm tán loạn đều có thể giữ gìn những giới đó. Kế đến là giới Bất tạp, định pháp trì tâm, tâm không vọng động, thân miệng đều vắng lặng, ba nghiệp như gương sáng, đó là Định cộng giới khi nhập định. Tùy ý tùy ý không tạp, xuất định thân miệng nhu nhuyễn, cũng không tạp nhập định của phàm phu thì có thể giữ gìn được. Giới tùy đạo là sơ quả kiến đế phát chân thành Thánh, là sự giữ gìn của bậc Thánh. Phạm phu chẳng thể giữ được. Giới vô trước là giới mà người đắc quả thứ 3 giữ gìn, người Sơ quả chẳng giữ được. Giới Trí tán và giới Tự tại là 2 giới cần phải giữ của Bồ tát, Nhị thừa chẳng giữ được. Còn 2 giới Tùy định và Cụ túc là những giới sở trì của người căn tính rộng lớn. Các Bồ tát Thông giáo sáu độ không thể giữ được, huống nữa là các phàm phu Nhị thừa.

Ở trên phân chia cao thấp. Sự khác nghĩa nhau, nhưng nếu quán nhất niệm tự sinh tâm, thì luận về sự giữ giới đều có thể giữ được 10 loại giới kể trên. Nay chia 10 giới mang 4 ý nghĩa: 4 giới đầu chỉ là pháp do nhân duyên sinh, chung làm quán cảnh. Hai thứ giới tiếp theo là pháp do Quán nhân duyên sinh ra, tức là không không quán trì giới. hai thứ giới tiếp theo là quá nhân duyên tức là giả, giả quán trì giới. Hai thứ giới kế nữa là quán pháp di nhân duyên sinh tức là Trung, Trung quán trì giới. Quán tâm là pháp do nhân duyên sinh. Nếu quán một niệm tâm từ duyên ác sinh khởi thì sẽ phá giới căn bản cho đến giới bất tạp, nó trái ngược với điều lành cho nên gọi là Ác. Niệm niệm đều lấy tâm Thiện thuận để ngăn ngừa tâm ác khiến cho giới căn bản cho đến các giới Bất tạp đều thiện thuận thành tựu, không bị bủy tổn, cho nên gọi là Thiện tâm. Gọi là phòng ngừa ác tâm, tức là chỉ Thân miệng cũng vậy, phòng ngừa tức là chỉ thiện, thiện thuận tức là hành thiện, hành thiện tức là quán, chỉ thiện tức là chỉ. Đó gọi là quán nhân duyên sở sinh, tâm giữ 4 loại giới, thừa giới hoãn gấp, sám tịnh... đã nói đầy đủ trong phần Chỉ quán.

## **2. Y phục, thức ăn đầy đủ.**

Y phục để che thân, ngăn chướng xấu xí, ăn để duy trì mệnh sống

lấp ghe đói khát. Thân an thì đạo tịnh, đạo tịnh thì gốc được lập, thân mạng và Đạo nhờ sự ăn mặc này, nên kinh nói: “Như Lai ăn xong đắc Tam bồ đề”. Đây tuy là Duyên nhỏ nhưng làm được việc lớn.

Áo che thân xấu xí, che nóng lạnh, che ruồi muỗi, tô điểm thân thể. Y áo có 3 loại; Tuyết Sơn đại sĩ ẩn thân nơi núi sâu, không giao thiệp với thế giới loài người. Kết cỏ làm chiếu, mặc áo da nai, không có các việc thọ trì thuyết tịnh, v.v... sức chịu đựng đã thành, không cần sự Ấm no, không dạo chơi nhân gian, chẳng cần sử giúp đỡ, đó là bậc Thượng nhân. 12 hạnh đầu đà chỉ có 3 y, không nhiều không ít, vào làng vô núi mặc y ngay ngắn, cho nên lập ra 3 y, đó là, đó là trung sĩ. Ở những xứ quá lạnh thì cần nhiều thứ trợ giúp thân thể cần phải thuyết tịnh, cung sự đủ dùng, không được mong cầu nhiều, mong cầu nhiều thì vất vả cực khổ, giữ gìn đồ vật của cải càng khổ hơn, đã loạn hại hạnh mình, lại quấy nhiễu đàn việt. Có được một ít thì liền biết đủ, đó là hạ sĩ. Quán hành làm y. Kinh chép: “Tỳ kheu các thầy, tuy mặc cà sa, nhưng tâm vẫn còn chưa nhiếp áo pháp Đại thừa”. Kinh Pháp Hoa chép: “Nhu hòa nhẫn nhục là y áo”. Đó tức là tịch diệt nhẫn sinh tử Niết-bàn. Lý trung đạo và hai bên thô lậu không hai không khác cho nên gọi là Nhu hòa. An tâm trung đạo cho nên gọi là Nhẫn. lìa sự hai bên ồn ào, nên gọi là Tịch. Vượt qua hai tử, nên gọi là Diệt.

Ăn có công năng nuôi thân dưỡng đạo; có 3 chỗ nói về ăn: chỉ nuôi thân bằng rau quả, nước suối mà thôi, hoặc ăn từng bách để giữ tinh khí. Ăn xong buộc tâm tư duy ngời thiền, chẳng làm việc gì khác, người ăn như vậy là Thượng sĩ. Ở chốn A lan nhã, tu hạnh đầu đà, dứt các tiếng ồn ào náo nhiệt. Là nơi tu đạo, tự nuôi thân mình, bầy Đức Phật đều nói về pháp khát thực. Kinh Phương đẳng, kinh Bát chu, kinh Pháp Hoa đều nói về khát thực. Nếu đường đi khát thực quá xa thì mệt nhọc. Nếu gần người dân thì ồn ào huyên náo. Không xa không gần, khát thực tiện dễ, là bậc trung sĩ. Đã không thể dứt cốc ăn quả, lại không thể đầu đà khát thực. Đàn na hộ trì bên ngoài đem đồ ăn cúng dường. Cũng có thể nhận lấy được, lại trong tăng như pháp kết tịnh thực, cũng có thể thọ nhận, là hạ sĩ.

Nếu căn cứ Quán tâm nói về ăn. Đại Kinh nói: “Tỳ kheo các thầy tuy thực hành khát thực. Nhưng chưa nhập vào Đại thừa pháp thực”. Đại thừa pháp thực là pháp hỷ, thiền duyệt của Như Lai; pháp hỷ này là trí tuệ bình đẳng, quán tất cả pháp không có chướng ngại. Kinh Tịnh Danh nói: “Đối với thức ăn bình đẳng thì đối với pháp cũng bình đẳng, đối với pháp bình đẳng thì đối với thức ăn cũng bình đẳng”; phiền não là

củi, trí tuệ là lửa, từ nhân duyên đó thành món ăn Niết-bàn, khiến các đệ tử đều được ăn ngon”. Thức ăn này nuôi dưỡng pháp thân, thêm lớn tuệ mệnh, càng không cần phải ăn cơm uống sữa, tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Dùng pháp hỷ thiền duyệt này, trải qua tất cả pháp đều cùng một mùi vị, một màu sắc, một hương thơm, đều là Trung đạo. Pháp Trung đạo có đủ tất cả các pháp, tức là ý nghĩa “no đủ”, “không cần gì”. Như các bậc thượng sĩ ở núi sâu, chỉ rau cỏ trái cây là đủ nuôi thân. Đầu đà khát thực, hành giả không thể ngay nơi sự mà trung, tu trí tuệ thật tướng, thì nên theo thứ lớp ba quán, điều tâm nhập Trung đạo, theo thứ lớp mà quán cho nên gọi là khát thực, cũng thấy Trung đạo; lại gọi là “Bảo nghĩa” (nghĩa no), tức là bậc trung sĩ. Đàn việt đem thức ăn đến, nếu người không thể ngay nơi sự mà thông đạt, lại không thể trải qua các pháp thì kể là Quán tự mình không có “thực nghĩa” (ý nghĩa về ăn) thì cần phải theo Thiện tri thức nói về Bát-nhã. Khéo vì mình mà giải thích, nghe xong hiểu giải, thấy được Trung đạo. Người có căn thuần, nhờ nghe mà hiểu, gọi là “đắc thực”. Nếu không được như cả hai việc trên, trong tăng kết tịnh thực, tức là chứng đắc được rừng công đức thiền định, nhờ định mà được ngộ, gọi là “ăn trong Tăng”. Bởi vậy hành giả nên thường nhớ nghĩ về pháp thực Đại thừa, không nhớ nghĩ các món ăn khác.

### **3. Nhân cư tịnh xứ:**

Tuy đủ ăn mặc, chỗ ở, nhưng không thể ở đâu cũng an định trong 3 loại Tam-muội, phải có nơi chốn tốt. Có 3 nơi chốn: 1- Núi sâu hang thẳm, 2- Đầu đà phủ dũ, 3- Lan nhã chùa viện.

Nếu ở núi sâu hang thẳm, đường xá xa xôi hiểm trở, chẳng có dấu tích người, chẳng ai nào loạn mình, thả ý thiền quán, niệm niệm tại đạo, chẳng khởi lên sự chê khen, nơi này tốt nhất.

Đầu đà phủ dũ, gần nhất 3 dặm, quen biết qua lại cũng ít, ít bị phiền não, nơi này là thứ nhì.

Lan nhã chùa viện:chùa nhân tịnh thanh vắng, một mình một phòng, không làm các việc, đóng cửa tịnh tọa, tư duy chánh đế, nơi ấy là thứ ba. Nếu lìa ba nơi đó thì không được.

Về quán tâm xứ (nơi quán tâm) thì: pháp Trung đạo sâu xa kín đáo, bảy thứ phương tiện không thể đến được, nên gọi là “Sâu”. Cao lớn không lay động, gọi là “núi”. Xa lìa hai bên, gọi là “Tịnh”. Bất sinh bất khởi, gọi là “Nhân”. Đại phẩm chép: “Nếu người ở ngoài ngàn do tuần mà khởi tâm Thanh văn, thân tuy xa lìa nhưng tâm không xa lìa”. Cho ồn ào là không ồn ào thì chẳng phải xa lìa. Tuy trụ ở bên thành

nhưng không khởi tâm Nhị thừa, gọi là xa lìa, chính là chốn thượng tâm. “Nơi chốn của đầu đà” tức là quán xuất giả, quán này kề cận với không. Như nơi lan nhã và xóm làng đều cùng quán xuất giả, an tâm tục đế, phân biệt được bệnh. Tịnh đạo chứng trí, đó là nơi chốn thứ nhì. “Chùa vắng 1 phòng” tức từ giả nhập vào không ba quán. Chùa là nơi chúng ở đông đúc, mà có thể an tịnh một phòng. Tức là nơi chốn thứ ba.

#### **4. Không làm các việc bận rộn:**

Việc làm bận rộn rất chướng ngại, tỳ khu ở lan nhã là để tránh ồn náo, tìm chỗ thanh tịnh, sao lại bày đặt ra nhiều việc buôn bán làm hư hoại hạnh lan nhã, việc ấy chẳng nên. Duyên vụ gồm có 4: 1- Sinh hoạt, 2- Nhân sự, 3- Kỹ năng, 4- Học vấn.

##### **a. Sinh hoạt duyên vụ:**

buôn bán tính kế sinh sống, tính toán so đo, được một mất một, mất đạo loạn tâm. Nếu kinh doanh nhiều việc thì thuộc về tự ý. Ở đây không bàn đến.

##### **b. Nhân sự:**

Khánh chúc, điếu tang, đón tiếp tiền đưa, mời rước khách chủ, đây đó qua lại, tới lui không ngừng, hưởng nữa giao kết nhiều người, kể tìm người đón. Xa cha mẹ, lìa thầy tổ, vốn để cầu đạo, lại còn kết bạn khắp nơi, là ý muốn gì? Như lật áo tìm đai, quẹt lửa tìm trăng, là việc chẳng nên.

##### **c. Kỹ năng:**

Thuốc thanh bốc phệ, thợ mộc thợ nề, thêu thùa vẽ viết, phù bùa đọc chú, tô vẽ thêm bề ngoài cuộc sống, đã tự hại thân, hưởng gì là tu đạo xuất thế. Vả lại, cây rừng chim đậu, hôi thối ruồi đến, há lại chẳng bị gãy đổ, ô nhục hay sao?

##### **d. Học vấn:**

Đọc tụng kinh luận, tranh luận hơn thua, ghi nhớ kỹ càng, tâm chí mệt nhọc, nói bàn qua lại, nước đục ngọc mờ, làm sao rảnh tu quán tâm, việc này còn phải xả bỏ. Hưởng nữa là 3 duyên vụ trên.

Về sinh hoạt quán tâm thì, Ái là pháp nuôi dưỡng nghiệp, như nước làm tươi nhuần hạt giống, vì ái nên có lo âu, vì lo âu mà sợ hãi. Nếu dứt được Ái thì dứt sinh hoạt duyên Nghiệp, nhân là sự nghiệp, nghiệp sinh ba cõi. Nếu không có nghiệp, thì Ái không có cái để nó làm nhuận thêm. Về kỹ thuật, tập học, chưa đắc đạo Thánh, không được tu thông, pháp vọng tưởng làm chướng ngại Bát-nhã. Bát-nhã như hư không, không nói suông, không văn tự. Nếu đắc được Bát-nhã như được hạt ngọc như ý, chỉ nhất tâm mà tu, cần gì gấp gáp dụng thần thông học

tập, chưa đăc vô sinh nhĩn mà tu thế trí biên thông, phân biệt đũ thứ thì đều là gạch ngói, chẳng phải châu báu thật. Nếu dừng trụ đợc thì nước sẽ trong xanh, thấy lưu ly dưới, từ từ lấy báu. Nếu muốn đi đường lớn thì không nên theo những con đường nhỏ đó, ấy là trung học.

### 5. Gặp thiện tri thức:

Là nhân duyên lớn, hóa độ dắt dẫn, giúp mình thấy đợc Phật. A nan nói: “Thiện tri thức là một nửa phần nhân duyên đăc đạo”. Phật nói: “Không phải như vậy, đầy đủ cả nhân duyên”. Tri thức có 3 thứ: 1. Ngoại hộ; 2. Đồng hành; 3. Giáo thọ. Nếu ở nơi núi sâu hang vắng, không ai nuôi dưỡng, không cần ngoại hộ. Nếu tu 3 thứ Tam-muội, phải có duyên tốt. (1) Ngoại hộ: Không phân biệt trắng đen, chỉ cần sắp xếp những điều cần thiết, không thấy lỗi lầm, không xúc năo. Như mẹ nuôi con, như cạp mớ con, điều hòa vừa chừng, người hành đạo đã lâu mới làm đợc như vậy, gọi là ngoại hộ. (2) Đồng hành: hạnh sự tùy tự ý và an lạc hạnh thì chưa hẳn cần bạn. Các hành pháp trong kinh Phương đăng, Bát chu phải cần có bạn tốt, khuyến khích lẫn nhau, không ngủ nghỉ, không tán loạn, mài dũa gọt đẽo, ngày càng mới mẻ, đồng tâm cùng chí, như đi một thuyền, kính trọng lẫn nhau, coi như Thế tôn, đó gọi là đồng hành. (3) Giáo thọ: Nói đợc Bát-nhã, chỉ rõ đạo và chẳng phải đạo, phương tiện trong ngoài. Những điều vướng mắc chớng ngại đều giải quyết đợc hết. Kinh nói: “Học theo thầy hay đợc thấy hằng sa Phật”, đó gọi là Giáo thọ.

Tri thức Quán tâm, Đại phẩm chép: “Phật, Bồ tát, La hán là thiện tri thức, 6 Ba-la-mật, 37 phẩm là thiện tri thức. Pháp tánh thực tế là thiện tri thức”. Như uy quang của Phật, Bồ tát che chở nuôi dưỡng, tức là ngoại hộ. Sáu độ đạo phẩm là cửa vào đạo, tức là đồng hành, pháp tánh thực tế tức là Đế lý. Cảnh noi theo của các Đức Phật tức là giáo thọ. Trong mỗi thứ đều có đủ ba nghĩa, như trong Chỉ quán đã phân biệt.

## II. CHÊ TRÁCH NĂM DỤC

Nghĩa là Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc. Thập Trụ Bà sa chép: “Cấm 6 căn như trói buộc chó, nai, cá, rắn, vượn, chim. Chó thích làng xóm, nai thích núi đầm, cá thích ao hồ, rắn thích ở hang, vượn thích rừng sâu, chim thích bay trong không trung, sáu căn thích sáu trần. Phạm phu trí cận chí yếu không thể hàng phục đợc, chỉ người có trí tuệ rộng, vững tâm chánh niệm, mới hàng phục đợc”. Tóm lại, là dụ cho sáu căn, nay xin nói thêm. Nhãn tham sắc; sắc có hình chất như làng xóm tụ lạc, mắt

ví như chó, Nhĩ tham âm thanh, âm thanh không có hình chất như đũa không. Tai ví như nai, mũi tham hương như cá, lưỡi tham mùi vị như rắn, thân đấm xúc như vượn, tâm duyên với pháp như chim. Nay trừ ý, chỉ nói năm trần, năm trần chẳng phải dục, nhưng ở trong nó có vị có thể sinh ra tâm tham dục đối với hành nhân. Cho nên nói năm dục. Thí như người thợ gốm, khách mời tiệc nên không làm xong việc. Năm dục cũng vậy, thường muốn kéo người nhập các cảnh ma, tuy đủ các duyên kể trên, nhưng cũng khó nhiếp tâm. Vì thế cần phải chê trách năm dục. Sắc là đỏ trắng, dài ngắn, mắt sáng, mắt long lanh, cổ trắng mảy liễu, răng trắng môi hồng. Cho đến các vật báu trên châu, hồng vàng đỏ tía của y báo, làm mê hoặc lay động tâm người. Như trong thiền môn đã nói sắc làm hại rất sâu xa, khiến người say cuồng; căn bản sinh tử là do đó. Chúng sinh tham lam tài sắc, ngồi thiền mà không đắc đạo. Quán kinh chép: “Bị sắc sai khiến làm nô lệ cho ân ái. Không được tự tại. Nếu biết sự tai hại của sắc thì không bị nó lừa”. Đã chê trách sắc dục như vậy rồi thì sắc dục sẽ ngừng ngay, phan duyên không sinh, chuyên tâm nhập định. Thanh dục là những lời nũng nịu hót lẳng lơ tô vẽ, Thánh thót ngân nga,... Hương dục tức là những vật có mùi thơm tho, mùi thơm thân thể trai gái. Vị dục tức là rượu thịt vật ngon, béo ngọt chua cay,... Xúc dục tức là lạnh Ấm trơn láng, nhẹ nặng cứng mềm, áo tốt quần sang, phần thân nam nữ. Sự tác hại của 5 dục này là: Sắc như cục vàng nóng, cầm vào thì bị cháy tay. Thanh như mặt trống có bôi chất độc, nghe thì sẽ chết. Hương như hơi rồng chết, người bị bệnh. Vị như mật ong sôi, làm lưỡi bị bỏng, như mật ong bôi trên dao, nếm thì lưỡi bị đứt. Xúc như sư tử nằm, đến gần bị rắn cắn. Năm dục này có được nó thì chẳng thỏa mãn, ác tâm càng thịnh lên, như lửa thêm củi, đời đời kiếp kiếp làm hại còn hơn kẻ thù. Từ nhiều kiếp thường cướp đoạt lẫn nhau bẻ gãy sắc tâm, nay chướng ngại thiền tịch, lại nào loạn nhau, biết rõ lỗi đó, ngừng nghĩ thm nhiễm. “Quán tâm” chê trách năm dục là: “Như trong sắc dục, tư vị vô lượng”, ý nói thường, vô thường, ngã, vô ngã, tịnh bất tịnh, khổ, lạc, không, hữu thế đệ nhất nghĩa; đều là tư vị. “Thích Luận” chép: “Lấy Nhị thừa làm thiền nên chê trách việc sắc dục, không gọi là Ba-la-mật”. Bồ tát chê trách sắc tức thấy thật tướng của sắc, thấy thực tướng của sắc tức là thấy thực tướng của thiền, nên gọi là Ba-la-mật, đến bờ bên kia của sắc, đến bờ kia của sắc tức là thấy Trung đạo. Kẻ phân biệt sắc tức là thấy cái tục của sắc. Kẻ ngay nơi sắc thấy không là thấy cái chân của sắc. Chê trách sắc như vậy là tận nguồn gốc của sắc, thành Tam đế Tam-muội, phát 3 thứ trí tuệ. Chê

trách nặng đối với sắc là để làm phương tiện cho quán tâm, ý là ở đó, đã chê sắc rồi, bốn thứ kia cũng vậy.

### III. BỎ NĂM THỨ CÁI:

Tham dục, sân nhuế, ngủ nghỉ, trạo hối và nghi là năm cái. Che đậy dài lâu, tâm thần tối tăm, định tuệ không phát, cho nên gọi là Cái. Ở trên trách năm dục chỉ là năm căn đối với năm trần hiện tại làm phát sinh năm thức. Nay vứt bỏ năm cái tức là năm thức chuyên nhập vào ý địa, đuổi theo quá khứ, nghĩ ngược vị lai; các pháp năm trần là chướng lớn trong tâm, dụ như thợ gốm trong thân bị bệnh không thể làm việc, năm cái cũng giống như vậy, tác hại đã sâu, nên phải bỏ. Như mũi tên độc, như trộm cướp, không thể giữ lại. Đại phẩm nói: “Lìa dục và pháp Ác”. Dục là năm dục, pháp ác là năm cái, nên phải bỏ mau. Năm cái này, tướng của nó ra sao?

Tham dục cái là nhớ lại năm dục từng trải qua, nhớ lại các sắc sạch đẹp dễ mà mắt đã nhìn, nhớ lại những âm thanh đáng yêu mà tai đã nghe, nhớ lại mùi hương thơm tăng thêm kết sử, nhớ những món ngon thềm thường, nhớ những xúc chạm làm rộn da người. Những thứ năm dục thô tệ như vậy, suy nghĩ tính toán tâm si mê hoặc say sưa, quên mất chánh niệm, hoặc thậm tạo ra phương tiện mong hưởng lại. Nếu chưa từng trải thì lại truy tìm; hoặc đang tìm cầu thì tâm nhập vào trần cảnh, niệm niệm không xen hở; thô giác đã che đậy thiền, thiền sao được nữa, đó là tướng của tham dục cái.

Sân nhuế là cái nhớ lại người làm khổ mình, làm khổ người thân của mình, ca ngợi người mình oán ghét. Ba đời chín não, oán đối kết hận, tánh nóng khí thô, tức giận liền nhau, trăm phương ngàn kế, để hại người thù, họ nguy mình an, hả lòng tức giận. Lửa giận như vậy, thiêu hết công đức, làm sao nuôi lớn rừng thiền định. Đó là tướng của sân cái.

Thùy manh cái: Tâm thần mờ ám, sáu thức tối tăm, tay chân ngủ buông thả, Miên gọi là pháp tâm sở tăng, đen tối bít lấp che phủ người, khó mà phòng vệ, 5 tình không hay biết y như người chết, nhưng còn chút hơi thở, gọi là chết giả. Nếu người thích ngủ mà ngủ thì thêm nhiều tối tăm. Bởi vậy kinh chép: “Nếu ngủ nhiều sẽ biếng nhác, chưa đắc sẽ không đắc, đã đắc rồi sẽ bị lui sụt. Nếu muốn thắng đạo phải dứt ngủ, buông thả”. Luận chép: “Như người bị trói đem đi chém, làm sao ngủ được. Lại như ra trận giữa rừng đao kiếm, như ở cung hang với rắn độc, làm sao ngủ được”. Cho nên kinh nói: “Nửa đêm tụng kinh, để tìm tin

tức, cùng nhau tìm cầu tranh ra nhà lửa, thời giờ qua mau, nay tu đạo mầu sao lại tham ngủ” dừng mê muội lý, cần nên bỏ đi.

Trạo hối cái: nếu giác quán khởi lệch, thì thuộc về cái trước, nay giác quán sinh khởi duyên khắp các pháp, lúc duyên theo tham dục, lúc lại nhớ sân nhuế tà si, phừng phừng không ngừng, lúc khởi lúc nén, nhiều thứ rối rắm, thân ưa đi lang bang, miệng nói cười vô ích; đó gọi là trạo. Trạo mà không có hối thì không thành cái, bởi cái trạo đó mà tâm địa suy nghĩ cẩn thận không ngừng. Sao mình làm những việc vô ích, thật đáng thẹn, trong tâm lo âu hối hận, áo não kết nhiều tâm thì thành ra hối cái. Cái che lấp thiền định, không phát mở được, bởi vậy mới nói “hối rồi chớ lo nữa, không nên thường nghĩ đăm, không nên làm mà làm, nên làm lại không làm, tức là ý đó. Ý nghĩa này chính là tướng của trạo hối cái.

Nghi cái: Đây chẳng phải là cái nghi kiến để chướng lý, mà là nghi về chướng định, nghi có 3 thứ: 1- Nghi mình, 2- Nghi thầy, 3- Nghi pháp.

1- Nghi mình: cho là thân ta chẳng phải là đạo khí (đồ để chứa đạo) là nghi thân.

2- Nghi thầy: thân mạng của người đó không xứng với hoài bão của mình, chưa chắc đã có tuệ tốt thiền sâu, tôn họ làm thầy sẽ lầm lỡ mình.

3- Nghi pháp: Pháp đã thọ lãnh chưa chắc đã trúng lý.

Ba mối nghi thường ôm trong lòng, thiền định không phát, lại bị mất hẳn. Đó là tướng của Nghi cái.

Tướng của Vứt bỏ là sao? Hành giả thường tự tỉnh xét, nay trong tâm ta bệnh nào nặng, nếu biết bệnh thì nên trị trước. Như nặng về tham cái nên dùng Bất tịnh quán để bỏ đi. Vì sao cứ cho năm dục là tịnh, yêu đắm lâu dài, nay quán Bất tịnh máu mủ dãi đờm không đáng ưa thích. Cái đó đã bỏ tâm liền được an. Nếu sân nhuế nhiều, nên nghĩ nhớ tâm từ, diệt trừ lửa giận, lửa giận thiêu rụi công đức hai đời, người khác không thích vui khi thấy mình. Nay tu tâm từ xả bỏ điều ác đó. Quán tất cả mọi người tưởng như cha mẹ, người thân, khiến họ được vui. Khi thực hành quán này, tâm sân liền diệt, an tâm nhập thiền. Nếu Thùy cái nhiều, nên siêng năng tinh tiến, răn nhắc thân tâm, để ý ngăn ngừa, suy nghĩ, pháp tướng, đừng để nhân duyên ngủ nghỉ, làm mất đi niềm vui 2 đời. Sống luống chết uổng, chẳng được điều gì, như vào núi báu, tay không mà về, thật đáng thương tiếc. Nên khéo giữ tâm, cẩn thận phòng ngừa. Nếu trạo tán cái, nên dùng sổ tức. Vì sao vậy? Cái này rất lợi

hại, khi đến không biết, lâu rồi mới hay, nay nếu số tức mà đếm không thành, nửa chừng lại quên thì, liền biết đã quên, biết rồi lại đếm, đếm tương thành tự thì giác quán bị chế phục, không trị nó thì suốt đời bị cái. Nếu 3 điều nghi cứ ôm trong lòng thì nghĩ rằng: thân ta là đứa bé mù con nhà giàu. Đây đủ của báu pháp thân vô thượng, bị phiền não che lấp, mắt đạo chưa mở, đừng lấy sự nghi ngờ mà tự thương hủy. Nếu nghi thầy thì xét: ta nay vô trí, các thánh hiền xưa đều cầu pháp, không cầu người. Tuyết Sơn còn phải xin kệ nơi quý. Thiên Đế còn lạy sức sinh làm thầy. Nếu nghi pháp thì: pháp nhãn ta chưa mở, chưa phân biệt được đúng sai phải trái, chỉ dựa vào đức tin mà thôi. Phật pháp như biển, chỉ có lòng tin mới nhập vào được. Bởi vậy kinh nói “tuy bày nhiều thứ đạo, kỳ thực là Nhất thừa”, đừng nghi những lời dạy, chỉ lấy thật lý của lời dạy đó. Là 3 nghi này thì cái vứt bỏ. Tách riêng năm cái là pháp ác sinh tử phiền não. Kinh nói: “Phiền não tức Bồ đề, sinh tử tức Niết-bàn”. Nhưng sinh tử và Niết-bàn tùy theo sự mê ngộ của chúng sinh khiến có hai dòng sông khác nhau, mà theo Lý thực không có sinh tử. Năm cái có thể bỏ, pháp Niết-bàn có thể cầu, đây là không bỏ mà bỏ, gọi là bỏ năm cái.

#### IV. ĐIỀU NĂM VIỆC:

Là điều miên, điều thực, điều thân, điều tức và điều tâm.

1- *Điều miên*: Ngủ là thức ăn của mắt. Nếu ngủ quá nhiều thì tối tăm nặng nề tự hại mình. Vì vậy kinh nói: “Như người thích ngủ, thì ngủ càng nhiều, quá ít thì không sáng suốt”, như A na luật. Nay điều khiến cho thuận tiện, ngồi niệm nhất quán tuệ minh tịnh. Trong hợp vô minh phiền não là miên. Nhị thừa dứt hết phiền não, cũng như điều miên thái quá. Phạm phu chưa dứt phiền não, cũng như không điều miên. Bồ tát khác với hai bên. Bởi thế kinh nói: “Không trú tâm điều phục, không trú tâm không điều phục là điều miên của Bồ tát”.

2- *Điều thực*: ăn quá no thì chướng ngại cho ngồi niệm, ăn ít thì yếu sức, không no không đói là tướng điều thực. Giải thích theo Quán kinh: “Phân biệt pháp hỷ thiền duyệt là Thực, thiên lệch về không là quá đói, thiên lệch về giả là quá no, trung quán bình đẳng là tướng của điều thực”.

3- *Điều thân*: Khi ngồi thân ưỡn ngực là tướng nóng vội, khi ngồi đầu cúi là tướng khoan hòa, không cúi không ngẩng là tướng điều thân. Theo giải thích của Quán, trong kinh chép: “Thân đầy đủ sáu Ba-la-mật vội khởi tinh tiến, là việc ma của Bồ tát, là tướng gấp vội của thân.

Không vội khởi cũng là việc ma, là tướng khoan hòa của thân. Không gấp không khoan là tướng điều thân”.

4- *Điều tức* (hơi thở): Khi ngồi hơi thở vô ra quá trơn tru là tướng hoạt, hơi thở ra vào khò khè là tướng sáp, nếu hơi thở không rít không trơn là tướng điều tức. Theo giải thích của Quán thì kinh chép: “Lấy tuệ của Bát-nhã làm thọ mệnh, đó là Tức. Nay điều cái tuệ của Bát-nhã không sắc bén không cùn lụt tức là tướng điều tức”.

5- *Điều tâm*: Tam nặng về phan duyên là tướng tâm phù, nặng nề hôn ám là tướng trầm, không trầm không phù là tướng điều tâm. Theo giải thích của Quán thì kinh chép: “Tâm Bồ đề nay nghiêng về Giả mà phát là tướng phù của tâm Bồ đề, nghiêng về Không mà phát là tướng trầm của tâm Bồ đề. Trung đạo phát tâm Bồ đề thì bất không; không giả, không trầm, không phù là tướng điều tâm.

## V. HÀNH NĂM PHÁP:

5 pháp là: dục, tinh tiến, niệm, xả tuệ, nhất tâm.

1- Dục: ưa muốn mong cầu Bát-nhã vô tướng, thắng quả viên diệu, như Tát đà ba luân cầu Bát-nhã, muốn gặp bồ tát Đàm Vô Kiệt để nghe Bát nhà Ba-la-mật. Chỉ có tâm nhớ tưởng không mong cầu điều gì khác.

2- Tinh tiến: Như Tát đà ba luận mong cầu Bát-nhã, thân tâm tinh tiến, không kể ngày đêm, không kể mệt nhọc, không nghĩ ăn uống, đêm ngày cố gắng cầu Bát-nhã, không có ý nguyện nào khác.

3- Niệm: Chỉ nghĩ đến lúc nào thì gặp Bồ tát Đàm Vô Kiệt, chỉ nghĩ khi nào nghe Bát-nhã Ba-la-mật, chỉ nghĩ lúc nào tương ứng với Ba-la-mật đó, không có niệm nào khác.

4- Xả tuệ: Suy tư biết xả bỏ thân bại hoại vô thường mà cầu thể kim cương của Như Lai. Bỏ cái mạng vô thường mà cầu Bát-nhã, tuệ mạng thường trụ chẳng những được lìa cái thân đại họa, mà còn đạt được của báu lợi lớn vô thượng. Nghĩ như vậy rồi, dù cho suốt đời cực nhọc cũng không biết mệt nhọc. Cho nên chẳng kể mệt mỏi, chẳng kể ăn uống, chỉ nghĩ bán thân, khi nào bán được để cúng dường Bồ tát Đàm Vô Kiệt, được nghe Bát-nhã.

5- Nhất tâm: Chỉ giữ tâm Bát-nhã thật tướng Trung đạo, không có tâm hai bên gọi là Nhất tâm.

Những điều nói trên đã giải thích 2 điều Sự, Lý; giải 25 phương tiện rồi. Phương tiện này, ý nghĩa tuy không quá sâu xa nhưng là phương pháp quan trọng cho người mới phát tâm học đạo. Là sự hướng dẫn tốt

cho người trở về nguồn, cả 25 phương tiện đều cần xảo tuệ, Nhất tâm. Phương tiện điều tâm được nhập chánh đạo. Bởi vậy kệ nói: “Hỏi quán tự sinh tâm, thế nào xảo thành tựu, hai mươi lăm phương tiện, điều tâm nhập chánh đạo” là ý nghĩa đó.